

Số: 102/2023/QĐST-DS

Quận 7, ngày 19 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 128/2023/TLST-DS ngày 09/3/2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 và tầng 2, Tòa nhà S, số 111A đường P, phường B, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn N – Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh H – Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q – Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 015949.23 ngày 20/02/2023).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 16/7 Bùi V, tổ 20, khu phố 2, phường T, Quận B, Thành phố H.

2.2 Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 16/7 Bùi V, tổ 20, khu phố 2, phường T, Quận B, Thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 11/5/2023 là 800.455.133 đồng (Tám trăm triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn một trăm ba mươi ba đồng), cụ thể như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 012-HĐTD1.VIB670.17 ngày 13/01/2017 là 553.231.056 đồng (trong đó tiền gốc: 286.814.542 đồng, tiền lãi: 266.416.514 đồng).

- Theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 670_10022018_361607 ngày 09/02/2018 là 247.224.077 đồng (trong đó tiền gốc: 38.036.177 đồng, tiền lãi: 38.303.107 đồng, Phí: 170.884.793 đồng).

Ngân hàng TMCP Q đồng ý để ông Nguyễn Văn T thay bà Nguyễn Thị N trả số tiền nợ gốc và lãi của cả hai hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày 11/5/2023 là 800.455.133 đồng (Tám trăm triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn một trăm ba mươi ba đồng), trong thời hạn 06 (sáu) tháng, hạn cuối trả nợ là ngày 11/11/2023, cụ thể:

+ Ngày 11/8/2023: thanh toán 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

+ Ngày 11/11/2023: thanh toán số tiền còn lại là 400.455.133 đồng (Bốn trăm triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn một trăm ba mươi ba đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 12/5/2023, ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng TMCP Q theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 012-HĐTD1.VIB670.17 ngày 13/01/2017, Hợp đồng thẻ tín dụng số 670_10022018_361607 ngày 09/02/2018 cho đến khi ông T trả xong khoản nợ trên.

Ngay sau khi ông Nguyễn Văn T thanh toán hết số nợ gốc và lãi thì Ngân hàng TMCP Q có trách nhiệm trả lại cho ông T 01 (một) bản chính: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 245458 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2017 cho ông Nguyễn Văn T.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T vi phạm việc thanh toán số nợ trên hoặc không thanh toán đầy đủ số nợ trên theo đúng thời hạn đã cam kết như trên, thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành một lần toàn bộ số tiền còn thiếu.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu là 18.006.827 đồng (Mười tám triệu không trăm lẻ sáu ngàn tám trăm hai mươi bảy đồng).

Hoàn lại Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.219.444 đồng (Mười lăm triệu hai trăm mười chín ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0015614 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Sang).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân